

Bản án số: 176 /2022/HNGĐ-ST

Ngày: 17-03-2022

V/v: Ly hôn

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN TÂN PHÚ, THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Trần Hoàng Thị Thanh Mai.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Nguyễn Thị Mỹ Linh;

2. Bà Phan Thị Diệu Hoa.

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Kiều Oanh – Thư ký Tòa án nhân dân quận Tân Phú, Thành phố Hồ Chí Minh.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân quận Tân Phú, Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Hồng Dân – Kiểm sát viên.

Ngày 17-3-2022 tại trụ sở Tòa án nhân dân quận Tân Phú, Thành phố Hồ Chí Minh xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 246/2021/TLST-HNGĐ ngày 01 tháng 4 năm 2021 về việc “Ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 63/2022/QĐXXST-HNGĐ ngày 21 tháng 02 năm 2022, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Bà Phạm Thị Mai H, sinh năm 198; Địa chỉ: phố Ngọa Long, phường Minh Khai, quận Bắc Từ Liêm, thành phố Hà Nội.

Bị đơn: Ông Lê Doãn H, sinh năm 198; Địa chỉ: Thạch Lam, phường Phú Thạnh, quận Tân Phú, Thành phố Hồ Chí Minh. Nơi ở hiện tại: phường Tân Quý, quận Tân Phú, Thành phố Hồ Chí Minh.

(Tại phiên tòa: nguyên đơn có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt, bị đơn có mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện đề ngày 16-3-2021 và các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn bà Phạm Thị Mai H trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Bà và ông Lê Doãn H tự nguyện chung sống, có tổ chức lễ cưới và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường Mai Dịch, quận Cầu Giấy, thành phố Hà Nội theo Giấy chứng nhận kết hôn số 135 ngày 09-12-202.

Thời gian đầu vợ chồng chung sống hạnh phúc nhưng sau đó thì phát sinh

mâu thuẫn. Nguyên nhân là do bất đồng về kinh tế, về suy nghĩ, về cách sống và sinh hoạt hằng ngày, ông H không có tinh thần cầu tiến, không chịu tìm kiếm việc làm nên mọi kinh tế trong gia đình đều do một mình bà gánh vác. Bà đã nhiều lần trao đổi nhưng ông H vẫn không thay đổi. Khoảng tháng 02/2021, ông H nói sẽ vay người khác số tiền 01 tỷ đồng để làm ăn, bà không đồng ý, bởi vì bà đã trả nợ cho ông H nhiều lần, bà không còn niềm tin vào ông H nữa. Vợ chồng không sống chung từ tháng 02/2021 cho đến nay. Nay nhận thấy mâu thuẫn đã trầm trọng, tình cảm vợ chồng không còn nên bà yêu cầu ly hôn với ông H để ổn định cuộc sống.

Về quan hệ con chung: Bà và ông H chưa có con chung.

Về tài sản chung: Bà và ông H không có tài sản chung.

Về nợ chung: Bà và ông H không có nợ chung.

Bị đơn ông Lê Doãn H trình bày:

Ông xác định phần trình bày của bà H về điều kiện kết hôn là đúng.

Ông xác định ông và bà H chung sống được hơn 03 tháng thì vợ chồng có mâu thuẫn nên bà H chuyển về sống tại Hà Nội cho đến nay. Trong quá trình chung sống, ông cũng lo cho cuộc sống chung của vợ chồng, bà H có tự nguyện đưa cho ông 500.000.000 đồng để làm ăn nhưng ông bị lừa mất hết, ông cảm thấy mặc cảm, lúc đó bà H có động viên và mong muốn ông kiếm một công việc. Khoảng tháng 02/2021, ông có ý định mượn bạn số tiền 01 tỷ đồng để làm ăn nhưng bà H không đồng ý và vợ chồng phát sinh mâu thuẫn từ đó. Ông đã nhiều lần ra Hà Nội để hàn gắn nhưng bà H đều từ chối gặp mặt. Nay bà H yêu cầu ly hôn thì ông không đồng ý, vì còn thương yêu vợ.

Về quan hệ con chung: Ông và bà H chưa có con chung.

Về tài sản chung: Ông và bà H không có tài sản chung.

Về nợ chung: Ông và bà H không có nợ chung.

Toà án đã tổ chức cho các bên hoà giải nhưng không thành nên đưa vụ án ra xét xử theo quy định pháp luật.

Tại phiên toà hôm nay:

- Nguyên đơn bà H vẫn giữ nguyên yêu cầu ly hôn và có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt.

- Bị đơn ông H không đồng ý ly hôn do ông còn thương vợ.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Tân Phú có ý kiến:

Về việc tuân theo pháp luật: Dương sự, Thư ký và Hội đồng xét xử đều tuân theo pháp luật được quy định tại Điều 48, Điều 51, Điều 63, Điều 203, Từ Điều 239 đến Điều 267 Bộ luật tố tụng dân sự.

- *Về nội dung vụ án:* Căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự và Điều 56, Điều 57 Luật Hôn nhân và

Gia đình năm 2014, đề nghị Hội đồng xét xử: Chấp nhận yêu cầu ly hôn của bà H. Hai bên xác nhận không có con chung, tài sản chung, nợ chung.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, sau khi nghe phát biểu của đại diện Viện kiểm sát, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết vụ án:

Căn cứ Giấy chứng nhận kết hôn số 135 ngày 09-12-2012 do Ủy ban nhân dân phường Mai Dịch, thành phố Hà Nội thì quan hệ hôn nhân giữa bà H và ông H là quan hệ hôn nhân hợp pháp, được pháp luật công nhận. Ông H có nơi cư trú tại quận Tân Phú, Thành phố Hồ Chí Minh. Nay bà H yêu cầu ly hôn, Tòa án nhân dân quận Tân Phú, Thành phố Hồ Chí Minh thụ lý giải quyết là phù hợp với khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về thủ tục xét xử vắng mặt nguyên đơn: Ngày 28-9-2021 bà H có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt. Căn cứ khoản 1 Điều 227 Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử quyết định xét xử vắng mặt bà H.

[2] Về yêu cầu của đương sự:

- *Về quan hệ hôn nhân:* Bà H yêu cầu ly hôn, ông H không đồng ý ly hôn. Đây là vấn đề tranh chấp cần giải quyết.

Xét, tại bản khai ngày 24/5/2021 (BL38) bà H trình bày mâu thuẫn giữa bà và ông H đã trầm trọng, vợ chồng không còn ở chung từ tháng 02/2021 cho đến nay, bà không còn tình cảm cũng như niềm tin vào ông H nên bà yêu cầu được ly hôn để ổn định cuộc sống. Ông H không đồng ý ly hôn nhưng không đưa ra được giải pháp để hàn gắn tình cảm vợ chồng mặc dù vợ chồng đã không còn ở chung hơn một năm nay. Ông Huân có yêu cầu đoàn tụ nhưng không được bà H chấp nhận, cụ thể: Ông H đã ra Hà Nội nhiều lần nhưng bà H đều từ chối gặp mặt, điều đó thể hiện bà H không muốn hàn gắn tình cảm vợ chồng. Hội đồng xét xử xét thấy nguyên tắc cơ bản của hôn nhân là tự nguyện, mục đích của hôn nhân là “vợ chồng cùng nhau xây dựng gia đình hạnh phúc”, trong trường hợp này giữa bà H và ông H đã có mâu thuẫn trầm trọng, do đó, yêu cầu xin ly hôn của bà H là có cơ sở và phù hợp với khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014 nên chấp nhận.

- *Về quan hệ con chung:* Bà H và ông H xác nhận chưa có con chung nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

- *Về quan hệ tài sản chung:* Bà H và ông H xác nhận không có tài sản chung nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

- *Về nợ chung:* Bà H và ông H xác nhận không có nợ chung nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[3] Về án phí:

Căn cứ khoản 4 Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự và Khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án thì bà H phải chịu án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm là 300.000 đồng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí 300.000 đồng mà bà H đã nộp theo Biên lai thu tiền số 0071903 ngày 01/4/2021 của Chi cục Thi hành án dân sự quận Tân Phú. Bà H đã nộp đủ án phí.

Vì các lẽ nêu trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ vào: Khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 4 Điều 147; khoản 1 Điều 227; khoản 1 Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự; Căn cứ khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56, Điều 57 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014; Căn cứ khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của bà Phạm Thị Mai H

- *Về quan hệ hôn nhân:* Bà Phạm Thị Mai H được ly hôn ông Lê Doãn H.

Quan hệ hôn nhân giữa bà H và ông H theo Giấy chứng nhận kết hôn số 135 ngày 09-12-2012 do Ủy ban nhân dân phường Mai Dịch, thành phố Hà Nội cấp cho bà H và ông H chấm dứt kể từ ngày bản án của Tòa án có hiệu lực pháp luật.

- *Về quan hệ con chung:* Hai bên xác nhận không có.

- *Về quan hệ tài sản chung:* Hai bên xác nhận không có.

- *Về nợ chung:* Hai bên xác nhận không có.

2. Về án phí: Bà Phạm Thị Mai H chịu án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm là 300.000 đồng được trừ vào tiền tạm ứng án phí 300.000 đồng mà bà H đã nộp theo Biên lai thu tiền số 0071903 ngày 01/4/2021 của Chi cục Thi hành án dân sự quận Tân Phú, Thành phố Hồ Chí Minh. Bà H đã nộp đủ án phí.

3. Quyền kháng cáo:

Ông Lê Doãn H được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bà Phạm Thị Mai H được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc được tổng đạt hợp lệ bản án.

Trong trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- TAND TP.HCM;
- VKSND quận Tân Phú;
- Chi cục THADS quận Tân Phú;
- Cơ quan thực hiện việc đăng ký kết hôn;
- Lưu VP, hồ sơ (Oanh)/.

**TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Trần Hoàng Thị Thanh Mai